

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 07-3-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội và
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh An.

Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Sơn C, sinh năm 2001 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Phương L, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Sơn C trình bày:

Vào năm 2023, chị Phạm Thị Phương L có tham gia 01 dây hội tuần cho chị C làm đầu thảo. Cụ thể: Loại hội 500.000 đồng/tuần, hội mở vào ngày 29/7/2023, hội gồm 27 phần, chị L tham gia 01 phần, chị L hốt hội ở tuần thứ 8, sau đó đóng hội chết, hội mãi vào ngày 27/01/2024, chị L nợ lại 10 kỳ hội chết với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ngoài ra, vào ngày 16/9/2023, chị L vay của chị C số tiền 10.000.000 đồng, trả theo hình thức trả góp mỗi ngày 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) gồm cả

vốn và lãi, chị L có nghĩa vụ góp đủ số tiền 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị L chỉ góp được 1.200.000 đồng thì ngưng. Chị C đồng ý trừ số tiền góp được vào nợ gốc, không tính lãi, do đó khoản vay này chị L còn nợ lại 8.800.000 đồng (*Tám triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Đến ngày 01/11/2023, chị L tiếp tục vay của chị C số tiền 5.000.000 đồng, hẹn trả trong vòng 01 tuần. Khi vay, chị L đã tự nguyện trả cho chị C tiền lãi 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Đến hạn nhưng chị L chỉ trả được 2.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ lại 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Tổng cộng, tiền hui chết và tiền nợ của hai lần vay, chị L còn nợ lại chị C số tiền 16.800.000 đồng (*Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*). Chị C yêu cầu chị L trả số tiền 16.800.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, chị C không có yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn chị Phạm Thị Phương L trình bày:

Chị L thống nhất với lời trình bày của chị C về việc tham gia hui và vay mượn giữa hai bên. Chị L thừa nhận còn nợ lại chị C tổng số tiền 16.800.000 đồng, chị L đồng ý trả cho chị C số tiền này. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm ổn định nên chị L xin được trả dần số nợ bằng cách mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ngoài ra, chị L không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị L giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Sơn C: Chị C yêu cầu chị Phạm Thị Phương L trả cho chị số tiền nợ hui và nợ vay tổng cộng là 16.800.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị C đã giao nộp bản chính các tài liệu gồm 01 Văn bản có tiêu đề “*Biên nhận hót hui*” có ghi ngày hót 16/9/2023, 01 Văn bản có tiêu đề “*Văn bản thoả thuận vay tiền mặt*” ghi ngày 16/9/2023 và 01 Văn bản có tiêu đề “*Văn bản thoả thuận vay tiền mặt*” ghi ngày 01/11/2023. Các tài liệu này thể hiện thông tin giao dịch hui và vay tiền giữa hai người tên “*Nguyễn Thị Sơn C*” và “*Phạm Thị Phương L*” đúng như lời trình bày của chị C. Đồng thời đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, chị L

thừa nhận còn nợ chị C tiền hui, tiền vay tổng cộng 16.800.000 đồng và đồng ý trả cho chị C số tiền này. Hội đồng xét xử xác định hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản giữa chị C và chị L là có thật, chị L có nghĩa vụ trả cho chị C số tiền còn nợ, do đó yêu cầu khởi kiện của chị C là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường.

[3] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Chị L yêu cầu được trả dần số nợ bằng cách trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng không được chị C đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc chị L chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền là chị C. Chị C yêu cầu chị L thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 278 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị C được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí chị L phải nộp được xác định:

$16.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 840.000 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 278, 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Sơn C

Buộc chị Phạm Thị Phương L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Sơn C số tiền 16.800.000 đồng (*Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo

quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Sơn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 357.000 đồng (*Ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0001561 ngày 26/12/2023 và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0001584 ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Chị Phạm Thị Phương L phải nộp 840.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm